

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG

*Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 33

172
CÔNG TY
NHÀ
TỰ
H KẾ T
M TO
A NAM
HỒ C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100377261 cấp lần đầu ngày 09/08/2000 và thay đổi lần thứ 26 ngày 17/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 400.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 400.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Khu TTCN Nhơn Hoà, P. Nhơn Hoà, TX. An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rá và vật liệu tết bện; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Tái chế phế liệu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục); Sản xuất thảm, chăn, đệm; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Thế Tài	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 22/11/2021)
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Lê Thị Mai Loan	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Trần Thị Kiều Tiên	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Ông	Nguyễn Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Lâm Thị Phụng	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Đăng Hải	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Lê Trí Hoàng Uyên	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2021)
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên
Bà	Đỗ Lệ Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Phạm Châu Dung	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2021)

Đại diện pháp luật

Ông	Nguyễn Thế Tài	Chủ tịch HĐQT
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Tổng Giám đốc

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG

Khu TTCN Nhơn Hoà, P. Nhơn Hoà, TX. An Nhơn, Tỉnh Bình Định

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc - Đại diện pháp luật



Hoàng Thị Minh Châu

0117
ÔNG
TNHI
VỤ TI
ÍNH K
KIỂM T
HIA NA
T.P.HC

Số : 238 /BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng được lập ngày 10/01/2022 từ trang 08 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình An

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0699-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		278.629.967.963	270.042.117.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	15.255.484.554	11.992.174.815
1. Tiền	111		5.835.484.554	2.572.174.815
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.420.000.000	9.420.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.06	18.620.000.000	18.620.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.620.000.000	18.620.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.464.276.154	201.695.764.386
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	97.075.014.557	126.725.884.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.359.232.044	4.053.875.592
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	64.824.753.149	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	27.205.276.404	70.916.004.077
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	43.953.844.702	32.454.445.068
1. Hàng tồn kho	141		43.953.844.702	32.454.445.068
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.336.362.553	5.279.732.871
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.021.194.472	4.932.524.691
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.10	315.168.081	347.208.180
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.735.558.992	187.543.717.325
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		682.091.120	656.012.463
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	682.091.120	656.012.463
II. Tài sản cố định	220		27.929.579.232	31.292.192.857
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	27.929.579.232	31.292.192.857
- Nguyên giá	222		61.759.139.233	61.338.967.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.829.560.001)	(30.046.774.376)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.06	237.015.000.000	155.415.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		175.225.000.000	93.625.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		61.790.000.000	61.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		108.888.640	180.512.005
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	108.888.640	180.512.005
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		544.365.526.955	457.585.834.465

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.058.116.232	130.216.244.857
I. Nợ ngắn hạn	310		130.998.116.232	119.774.124.156
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	28.244.629.204	20.258.276.962
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.511.206.533	13.681.729.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	-	1.179.057.754
4. Phải trả người lao động	314		-	280.547.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	178.940.966
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	19.994.620.473	13.780.391.321
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	70.247.660.022	70.415.180.536
II. Nợ dài hạn	330		2.060.000.000	10.442.120.701
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11	2.060.000.000	10.332.120.701
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	-	110.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	411.307.410.723	327.369.589.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		411.307.410.723	327.369.589.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	320.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	320.000.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		11.307.410.723	7.369.589.608
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.369.589.608	5.527.432.787
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		3.937.821.115	1.842.156.821
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		544.365.526.955	457.585.834.465

Người lập biểu

Lâm Thị Phụng

Kế toán trưởng

Lâm Thị Phụng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	168.586.032.907	170.037.404.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		253.321.448	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		168.332.711.459	170.037.404.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	151.564.384.984	154.905.876.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.768.326.475	15.131.528.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.605.352.546	3.254.052.991
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6.162.213.435	8.018.011.313
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.910.211.900	7.789.675.932
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	2.634.910.609	2.275.570.779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	6.399.510.273	5.890.594.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.177.044.704	2.201.405.567
11. Thu nhập khác	31	VI.06	16.303.523	645.577.854
12. Chi phí khác	32	VI.07	229.971.166	694.468.310
13. Lợi nhuận khác	40		(213.667.643)	(48.890.456)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.963.377.061	2.152.515.111
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1.025.555.946	310.358.290
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.937.821.115	1.842.156.821

Người lập biểu


Lâm Thị Phụng

Kế toán trưởng


Lâm Thị Phụng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc




Hoàng Thị Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.963.377.061	2.152.515.111
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.782.785.625	2.662.154.533
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(23.865.954)	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.522.250.614)	(2.964.144.094)
- Chi phí lãi vay	06		5.910.211.900	7.789.675.932
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.110.258.018	9.640.201.482
- Biến động các khoản phải thu	09		70.650.003.779	(141.550.287.640)
- Biến động hàng tồn kho	10		(11.499.399.634)	12.316.125.449
- Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.050.843.717	(118.574.764.841)
- Biến động chi phí trả trước	12		71.623.365	1.885.132.059
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.910.211.900)	(7.789.675.932)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(862.286.167)	(1.152.829.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		66.610.831.178	(245.226.099.313)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(420.172.000)	(399.594.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	128.357.865.971
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(64.824.753.149)	(10.620.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(81.600.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	157.376.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.522.250.614	2.960.137.434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(143.322.674.535)	277.674.658.678
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		80.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		115.278.934.060	153.301.868.489
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(115.529.725.836)	(194.499.824.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		79.749.208.224	(41.197.955.763)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.037.364.867	(8.749.396.398)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.992.174.815	20.741.571.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		225.944.872	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	15.255.484.554	11.992.174.815

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc

Lâm Thị Phụng

Lâm Thị Phụng

Hoàng Thị Minh Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát Triển Nguyễn Hoàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100377261 cấp lần đầu ngày 09/08/2000 và thay đổi lần thứ 26 ngày 17/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 400.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 400.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Khu TTCN Nhơn Hoà, P. Nhơn Hoà, TX. An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; May, trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quân gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Tái chế phế liệu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục); Sản xuất thảm, chăn, đệm; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Xây dựng nhà để ô; Xây dựng nhà không để ở.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng có 02 (hai) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 01 (một) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp. Danh sách cụ thể như sau:

6.1. Danh sách Công ty con trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát		Tỷ lệ lợi ích	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	95,00%	95,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.	51,00%	0%	51,00%	0%

6.2. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát		Tỷ lệ lợi ích	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	43,85%	43,85%	43,85%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Phương tiện vận tải	07 - 10
- Máy móc thiết bị	05 - 15
- Thiết bị văn phòng	06 - 10

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

35011
CÔNG
TNH
CH VỤ T
CHÍNH H
À KIỂM
PHÍA N
- T.P.H

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).



Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

17. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

11729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ V
NH KẾ T
BẾM TOÁ
IA NAM
P. PHO C

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.822.843.941	651.211.145
- Tiền gửi ngân hàng	3.012.640.613	1.920.963.670
+ Tiền gửi VND	2.983.656.289	756.420.128
+ Tiền gửi ngoại tệ	28.984.324	1.164.543.542
- Các khoản tương đương tiền (*)	9.420.000.000	9.420.000.000
Cộng	15.255.484.554	11.992.174.815

Ghi chú:

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN HCM. Các khoản này đã được thế chấp cho các khoản vay (Xem mục V.12 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	97.075.014.557	126.725.884.717
- Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	8.083.478.179	13.444.345.640
- Công ty Cổ phần ANPHATEK	7.423.500.000	7.423.500.000
- Bùi Thành Lâm	37.500.000.000	37.500.000.000
- Nguyễn Hoàng Phát	19.570.000.000	19.570.000.000
- Công ty TNHH XNK Thiện Phú	856.667.086	8.241.479.386
- Công ty TNHH Hoàng Phát	67.949.191	7.605.729.191
- Công ty Cổ phần Phát triển Lộc Phát	7.614.436.581	2.992.602.520
- Direct Global Trade Corp	8.781.912.047	7.179.213.601
- Công ty TNHH Phú Sơn	-	3.349.207.000
- Khác	7.177.071.473	19.419.807.379
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	119.911.862	10.095.601.862
- Công ty Cổ phần BCG Land	-	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thành Phúc	24.310.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	95.601.862	95.601.862

3. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	64.824.753.149	-
- Nguyễn Thị Quỳnh	12.293.176.000	-
- Nguyễn Thị Linh	19.218.600.000	-
- Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Bắc Hà	5.760.000.000	-
- Đỗ Thị Kim Ngân	12.700.692.149	-
- Huỳnh Thị Hồng Hạnh	13.602.285.000	-
- Công ty Cổ phần Tapiotek	1.250.000.000	-
b. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	27.205.276.404	-	70.916.004.077	-
- Tạm ứng	30.480.000	-	41.906.000	-
- Phải thu khác	27.174.796.404	-	70.874.098.077	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh	2.032.396.887	-	23.090.868.325	-
+ Indoba GMBH	18.500.733.328	-	12.900.754.405	-
+ Nguyễn Thị Linh	2.691.299.978	-	20.050.855.841	-
+ Các đối tượng khác	3.950.366.211	-	14.831.619.506	-
b. Phải thu dài hạn khác	682.091.120	-	656.012.463	-
- Ký cược, ký quỹ	682.091.120	-	656.012.463	-

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	27.556.704.230	-	19.587.942.573	-
- Chi phí SXKD dở dang	2.000.163.390	-	1.348.522.105	-
- Thành phẩm	10.982.613.082	-	11.517.980.390	-
- Hàng hóa	3.414.364.000	-	-	-
Cộng	43.953.844.702	-	32.454.445.068	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG

Khu TTCN Nhơn Hoà, P. Nhơn Hoà, TX. An Nhơn, Tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
<i>a. Chứng khoán kinh doanh</i>	-	-	-	-
<i>b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000
<i>b.1 Ngắn hạn</i>	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000
<i>b.2 Dài hạn</i>	-	-	-	-
Tổng cộng	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000

Ghi chú:

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN HCM. Các khoản này đã được thể chấp cho các khoản vay (Xem mục V.12 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
<i>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	237.015.000.000	237.015.000.000	-	155.415.000.000
- Đầu tư vào công ty con	175.225.000.000	175.225.000.000	-	93.625.000.000
+ Công ty Cổ phần Thành Phúc	93.625.000.000	93.625.000.000	-	93.625.000.000
+ Công ty Cổ phần Tapiotek	81.600.000.000	81.600.000.000	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	61.790.000.000	61.790.000.000	-	61.790.000.000
+ Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Bắc Hà	61.790.000.000	61.790.000.000	-	61.790.000.000
Cộng	237.015.000.000	237.015.000.000	-	155.415.000.000

Ghi chú:

(2) Công ty nhận chuyển nhượng 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Tapiotek từ Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting theo Biên bản Hợp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-CTY và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/10/2021 của Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng với tổng giá trị là 81,6 tỷ đồng.



7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	26.671.332.249	31.796.223.440	2.727.644.363	143.767.181	61.338.967.233
2. Số tăng trong năm	-	120.172.000	300.000.000	-	420.172.000
- Mua trong năm	-	120.172.000	300.000.000	-	420.172.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	26.671.332.249	31.916.395.440	3.027.644.363	143.767.181	61.759.139.233
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	10.234.074.555	18.607.170.291	1.078.962.349	126.567.181	30.046.774.376
2. Khấu hao trong năm	1.566.492.692	1.895.093.049	312.599.884	8.600.000	3.782.785.625
- Khấu hao tăng trong năm	1.566.492.692	1.895.093.049	312.599.884	8.600.000	3.782.785.625
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	11.800.567.247	20.502.263.340	1.391.562.233	135.167.181	33.829.560.001
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	16.437.257.694	13.189.053.149	1.648.682.014	17.200.000	31.292.192.857
2. Tại ngày cuối năm	14.870.765.002	11.414.132.100	1.636.082.130	8.600.000	27.929.579.232

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

3.181.553.396 VND
13.773.151.254 VND



8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Ngắn hạn

b. Dài hạn

- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

108.888.640

180.512.005

108.888.640

180.512.005

108.888.640

180.512.005

9. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Số cuối năm

Số đầu năm

Giá trị

Số có khả năng
trả nợ

Giá trị

Số có khả năng
trả nợ

a. Ngắn hạn

28.244.629.204

28.244.629.204

20.258.276.962

20.258.276.962

- Công ty Cổ phần MD Việt Nam

1.962.049.522

1.962.049.522

1.962.049.522

1.962.049.522

- Công ty Cổ phần XD và ĐT Khai

1.516.458.562

1.516.458.562

1.516.458.562

1.516.458.562

thác Khoáng sản Thăng Long

- Công ty TNHH Tuấn Phong

6.581.485.730

6.581.485.730

-

-

- Công ty TNHH Hoàng Phát

247.771.130

247.771.130

8.264.586.087

8.264.586.087

- Công ty TNHH Phú Sơn

2.774.023.472

2.774.023.472

584.270.456

584.270.456

- Công ty TNHH MTV Cường Phát

1.063.846.890

1.063.846.890

1.178.895.200

1.178.895.200

- Công ty Cổ phần XD và TM

5.419.841.400

5.419.841.400

-

-

Hoàng Phát

- Khác

8.679.152.498

8.679.152.498

6.752.017.135

6.752.017.135

b. Dài hạn

-

-

-

-

Cộng

28.244.629.204

28.244.629.204

20.258.276.962

20.258.276.962

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d. Phải trả người bán là các bên
liên quan

1.501.422.000

1.501.422.000

28.422.000

28.422.000

- Công ty Cổ phần Du lịch Casa
Marina Resort

28.422.000

28.422.000

28.422.000

28.422.000

- Công ty Cổ phần Bamboo Capital

1.473.000.000

1.473.000.000

-

-

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	1.179.057.754	444.745.000	1.623.802.754	-
Thuế tài nguyên	604.923.246	-	604.923.246	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	437.404.500	437.403.920	874.808.420	-
Phí và lệ phí khác	136.730.008	7.341.080	144.071.088	-
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
b. Phải thu	347.208.180	1.025.555.946	993.515.847	315.168.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.208.180	1.025.555.946	862.286.167	183.938.401
Thuế tài nguyên	-	-	19.994	19.994
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	131.209.686	131.209.686

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	19.994.620.473	13.780.391.321
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.994.620.473	13.780.391.321
+ Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	13.304.867.472	7.461.646.883
+ Công ty Cổ phần Thành Phúc	1.265.079.489	815.100.573
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tài	5.424.673.512	5.439.107.522
+ Khác	-	64.536.343
b. Dài hạn	2.060.000.000	10.332.120.701
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.060.000.000	10.332.120.701
+ Công ty Cổ phần XD & ĐT Khai Thác Khoáng Sản Thăng Long	1.400.000.000	1.400.000.000
+ Công ty Cổ phần TTP Khu Kinh Tế Tinh Phú Yên, Việt Nam	-	4.112.120.701
+ Nguyễn Thế Tài	660.000.000	4.820.000.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG

Khu TTCN Nhơn Hoà, P. Nhơn Hoà, TX. An Nhơn, Tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	70.247.660.022	70.247.660.022	115.362.205.322	115.529.725.836	70.415.180.536	70.415.180.536
- Vay ngắn hạn	70.137.660.022	70.137.660.022	115.252.205.322	115.381.725.836	70.267.180.536	70.267.180.536
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN HCM (1)	61.774.201.300	61.774.201.300	106.888.746.600	115.381.725.836	70.267.180.536	70.267.180.536
(VND)						
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Gia Định (USD)	8.363.458.722	8.363.458.722	8.363.458.722	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	110.000.000	110.000.000	110.000.000	148.000.000	148.000.000	148.000.000
+ NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	110.000.000	110.000.000	110.000.000	148.000.000	148.000.000	148.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	110.000.000	110.000.000	110.000.000
+ NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	-	-	-	110.000.000	110.000.000	110.000.000
Cộng	70.247.660.022	70.247.660.022	115.362.205.322	115.639.725.836	70.525.180.536	70.525.180.536

c. Các khoản nợ thuế tài chính

d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

e. Trái phiếu thường

Ghi chú:

(1) Đây là các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn, tài sản cố định thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng (Xem mục V.01, V.06 và V.07 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(2) Đây là khoản vay theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 7724/2020-HĐCVDADT/NHCT542-NGUYỄN HOÀNG ngày 22/09/2020. Hạn mức vay 295.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng. Mục đích để mua xe ô tô. Lãi suất 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 110/2020/HĐBĐ/NHCT542 ngày 22/09/2020 (Xem mục V.07 thuyết minh báo cáo tài chính này).



13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
a. Số dư đầu năm trước	320.000.000.000	5.527.432.787	325.527.432.787
- Lợi nhuận trong năm trước	-	1.842.156.821	1.842.156.821
b. Số dư đầu năm nay	320.000.000.000	7.369.589.608	327.369.589.608
- Tăng vốn trong kỳ này (*)	80.000.000.000	-	80.000.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	3.937.821.115	3.937.821.115
c. Số dư cuối kỳ này	400.000.000.000	11.307.410.723	411.307.410.723

Ghi chú:

(*) Thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 16/10/2021 và Quyết định Hội đồng quản trị số 02/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2021, Công ty đã thực hiện chào bán 8.000.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting với tổng số vốn huy động là 80.000.000.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 400.000.000.000 đồng.



13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của Công ty mẹ

Vốn góp của các đối tượng khác

Tổng cộng

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
206.800.000.000	206.800.000.000
193.200.000.000	113.200.000.000
400.000.000.000	320.000.000.000

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	206.800.000.000	51,70%	206.800.000.000	64,63%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	18.000.000.000	4,50%	18.000.000.000	5,63%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	16.651.250.000	4,16%	16.651.250.000	5,20%
- Nguyễn Hồ Nam	17.000.000.000	4,25%	17.000.000.000	5,31%
- Nguyễn Thế Tài	13.100.000.000	3,28%	16.000.000.000	5,00%
- Nguyễn Thanh Hùng	10.000.000.000	2,50%	10.000.000.000	3,13%
- Phạm Minh Tuấn	10.000.000.000	2,50%	10.000.000.000	3,13%
- Lê Thị Mai Loan	10.000.000.000	2,50%	10.000.000.000	3,13%
- Hoàng Thị Minh Châu	9.000.000.000	2,25%	10.000.000.000	3,13%
- Nguyễn Đăng Hải	2.535.400.000	0,63%	3.000.000.000	0,94%
- Trần Thị Kiều Tiên	2.548.750.000	0,64%	2.548.750.000	0,80%
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	80.000.000.000	20,00%	-	-
- Cổ đông khác	4.364.600.000	1,09%	-	-
Tổng cộng	400.000.000.000	100%	320.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	320.000.000.000	320.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	80.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	32.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	32.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	32.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	32.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	32.000.000

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

f. Các quỹ của doanh nghiệp

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

c. Ngoại tệ các loại

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- USD	988,11	50.422,99
- EUR	164,46	175,38

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.586.032.907	170.037.404.969
- Doanh thu bán thành phẩm	94.512.873.295	55.601.368.904
- Doanh thu bán hàng hóa	71.906.313.978	107.001.046.395
- Doanh thu khác	2.166.845.634	7.434.989.670
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	7.947.382.836	7.836.203.911
- Công ty Cổ phần Thành Phúc	27.200.000	13.600.000
- Công ty Cổ phần Tapiotek	1.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	6.320.182.836	7.822.603.911

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán thành phẩm	82.536.370.950	53.489.225.934
- Giá vốn bán hàng hóa	66.524.538.267	94.595.281.469
- Giá vốn hoạt động khác	2.503.475.767	6.821.368.854
Cộng	151.564.384.984	154.905.876.257

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.522.250.614	2.912.887.434
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	47.250.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.235.978	293.915.557
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.865.954	-
Cộng	3.605.352.546	3.254.052.991

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	5.910.211.900	7.789.675.932
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	252.001.535	228.335.381
Cộng	6.162.213.435	8.018.011.313

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	2.634.910.609	2.275.570.779
- Chi phí bằng tiền khác	2.634.910.609	2.275.570.779
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.399.510.273	5.890.594.044
- Chi phí nhân viên quản lý	1.742.807.250	1.759.003.983
- Chi phí đồ dùng văn phòng	29.846.727	52.619.727
- Chi phí khấu hao TSCĐ	220.054.544	227.106.285
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	8.042.410
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.870.852	415.229.352
- Chi phí bằng tiền khác	4.197.930.900	3.428.592.287

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý nhượng bán TSCĐ, CCDC
- Các khoản khác
- Cộng**

Năm nay	Năm trước
-	645.577.854
16.303.523	-
16.303.523	645.577.854

7. CHI PHÍ KHÁC

- Thanh lý công cụ dụng cụ
- Các khoản tiền phạt
- Các khoản khác
- Cộng**

Năm nay	Năm trước
-	630.138.490
83.121.801	64.329.820
146.849.365	-
229.971.166	694.468.310

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Cộng**

Năm nay	Năm trước
27.491.927.399	24.298.621.188
13.099.335.212	11.106.974.969
3.782.785.625	2.662.154.533
9.637.735.711	2.472.390.668
9.279.971.737	13.764.745.698
63.291.755.684	54.304.887.056

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng / giảm lợi nhuận kế toán trước thuế
 - + Các khoản điều chỉnh tăng
 - + Các khoản điều chỉnh giảm
- Tổng thu nhập chịu thuế
- Tổng thu nhập tính thuế
 - + Thuế suất
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định Số: 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020

Năm nay	Năm trước
4.963.377.061	2.152.515.111
164.402.669	64.329.820
180.706.192	64.329.820
(16.303.523)	-
5.127.779.730	2.216.844.931
5.127.779.730	2.216.844.931
20%	20%
1.025.555.946	310.358.290
1.025.555.946	443.368.986
-	(133.010.696)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có thể chấp 28.040.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền (Xem mục V.01 và V.06 phần thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm nay
115.278.934.060

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm nay
115.529.725.836

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Công ty Mẹ
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty góp vốn
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty góp vốn
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng Công ty Mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng Công ty Mẹ
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Ban điều hành

Ghi chú: Ngoài các thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.02, V.09 và VI.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính này, Công ty có các nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Mượn tiền	1.000.000.000
	Cho mượn	250.000.000
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Mua hàng	1.744.226.720
	Nhận ủy thác xuất khẩu	12.488.206.850
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Phí tư vấn	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	Cho mượn	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Nhận chuyển nhượng cổ phần	81.600.000.000
	Nhận ủy thác xuất khẩu	5.923.508.186
Công ty Cổ phần Tapiotek	Cho mượn	2.750.000.000

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác trong năm:

Tên thành viên	Giao dịch	Số tiền
Phạm Châu Dung	Thu nhập Ban kiểm soát	154.000.000
Nguyễn Hữu Thắng	Thu nhập Ban Giám đốc	61.200.000
Tổng cộng		215.200.000

c. Số dư với các bên liên quan

Tên bên liên quan	Mã trên CDKT	Số tiền
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	337	660.000.000
Công ty Cổ phần Thành Phúc	319	1.265.079.489
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	319	13.304.867.472
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	319	5.424.673.512
Công ty Cổ phần Tapiotek	135	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	5.760.000.000

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận của mình theo khu vực địa lý:

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	80.659.586.449	87.673.125.010	168.332.711.459
Giá vốn	77.610.615.363	73.953.769.621	151.564.384.984
Lợi nhuận thuần	3.048.971.086	13.719.355.389	16.768.326.475

3. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Số liệu chi tiết của một số chỉ tiêu trên thuyết minh Báo cáo tài chính (Số đầu năm) được trình bày và phân loại lại số dư để phù hợp với số liệu so sánh đến cuối kỳ theo quy định tại Chuẩn mực kế toán VAS 21.

Người lập biểu

Lâm Thị Phượng

Kế toán trưởng

Lâm Thị Phượng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Minh Châu